

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-PT
Ngày 11-7-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Hải

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà
Dương Thị Huế- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo Lê Hữu Đ và Nguyễn Thị D, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HSST ngày 25-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Hữu Đ sinh ngày 18-10-1991 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 12, phường NTH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T sinh năm 1963 và bà Phan Thị Y sinh năm 1964; vợ là Nguyễn Thị Lan A sinh năm 1991 và có 02 con (Con lớn sinh 2018, con nhỏ sinh 2022); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị D sinh ngày 06-10-1971 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi Đăng ký NKTT: Phố 1 LX, thị trấn CN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: Tổ 14, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Phúc H1 (Đã chết) và bà Trịnh Thị T1 sinh năm 1937; chồng là Nguyễn Văn C sinh năm 1970 (Đã ly hôn) và có 02 con, (Con lớn sinh 1990, con nhỏ sinh 2001); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12-2023, Lê Hữu Đ và Nguyễn Thị D đã bàn bạc, thống nhất với nhau về việc D bán số lô, số đề cho khách rồi chuyển cho Đ, Đ sẽ trích lại tiền cho D. Cụ thể: D bán cho khách 22.000đồng/01 điểm lô thì chuyển cho Đ 21.800 đồng, còn D được hưởng lợi 200 đồng/01 điểm lô. Đối với tiền chơi đề thì D trích lại 25% cho khách mua và chuyển cho Đ 73% tổng số tiền khách mua D được hưởng lợi 2%. Hình thức đánh bạc thắng thua bằng tiền, tỷ lệ trả thưởng 01 điểm lô = 80.000 đồng, lô xiên hai (gồm hai số) tỷ lệ trả thưởng 1.000 đồng = 10.000 đồng, lô xiên ba (gồm hai số) tỷ lệ trả thưởng 1.000 đồng = 40.000 đồng. Tỷ lệ trả thưởng chơi đề là 1.000 đồng = 70.000 đồng. Căn cứ vào kết quả Xổ số Miền Bắc mở thưởng hằng ngày, khi so sánh số lô đánh với hai số cuối của 27 giải nếu trùng là trúng thưởng, nếu trùng nhiều lần thì được nhân với số lần trùng; lô xiên hai hoặc ba, khi so sánh số lô đánh với hai số cuối của 27 giải nếu trùng là trúng thưởng. Số đề đánh so sánh với hai số cuối của giải Đặc biệt nếu trùng là trúng thưởng. Nếu không trùng thì người mua mất toàn bộ số tiền mua số lô, lô xiên và số đề cho người bán. Quá trình giao dịch, D sử dụng tài khoản của ứng dụng Telegram có tên “Xinh gái D” đăng ký bằng số điện thoại 0388430411; Đ sử dụng tài khoản của ứng dụng Telegram có tên “Tuấn Ld” đăng ký bằng số điện thoại 0972760200.

Ngày 26-12-2023, Lê Lý M dùng điện thoại di động nhắn tin văn bản cho Nguyễn Thị D để mua số đề với tổng số tiền là 1.900.000 đồng, được trừ 25% = 1.425.000 đồng. M đã chuyển khoản 1.300.000 đồng và trả 125.000 đồng tiền mặt cho D.

Cùng ngày, Nguyễn Thị B dùng điện thoại di động nhắn tin văn bản cho Nguyễn Thị D để mua các số lô với tổng số tiền là 880.000 đồng; mua các số đề với tổng số tiền là 2.450.000 đồng, được trừ 25% = 1.838.000đồng. Tổng số tiền mua lô, đề là 3.330.000 đồng.

Sau khi có kết quả Xổ số Miền Bắc ngày 26-12-2023, D trúng số đề với số tiền 15.000 đồng x 70.000 đồng = 1.050.000 đồng (B chưa trả tiền cho D). Toàn bộ số tiền bán các số lô, số đề cho M và B, D chuyển cho Lê Hữu Đ để hưởng phần trăm.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27-12-2023, Lê Lý M tiếp tục dùng điện thoại di động mang số thuê bao 0973900128 nhắn tin văn bản vào điện thoại của Nguyễn Thị D mang số thuê bao 0396199189 để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 4.740.000đồng, M đã chuyển khoản cho D 3.500.000 đồng và gửi Nguyễn Văn C (chồng của D nhưng đã ly hôn) 900.000 đồng đưa cho D, còn nợ lại 340.000 đồng.

Khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, Nguyễn Thị B dùng điện thoại di động mang số thuê bao 0971807386 nhắn tin văn bản vào số thuê bao 0388430411 của Nguyễn Thị D để mua các số lô, số đề với tổng số tiền là: 4.530.000 đồng (B chưa

trả tiền cho D). Sau khi bán số lô, số đề, D chuyển cho Lê Hữu Đ. Cũng trong ngày 27-12-2023, D còn mua số lô, số đề của Đ với tổng số tiền là 3.800.000 đồng. So với kết quả Xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 27-12-2023, thì tổng số tiền trúng thưởng số lô là 6.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HSST ngày 25-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật;

Ngày 06-5-2024, bị cáo Lê Hữu Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền hoặc hưởng án treo.

Ngày 06-5-2024, bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D đều thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc như nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo Lê Hữu Đ có xuất trình Giấy xác nhận ngày 08-4-2024 của Công an phường HM, thành phố YB về việc cung cấp thông tin tố giác tội phạm; Giấy xác nhận ngày 29-3-2024 của Công an phường HM, thành phố YB về việc giao nộp tài sản nhặt được để trả lại cho chủ sở hữu; Giấy xác nhận ngày 25-3-2024 của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường NTH về việc tích cực tham gia các hoạt động Đoàn. Bị cáo Nguyễn Thị D xuất trình Giấy xác nhận ngày 28-3-2024 của Công an xã GP, thành phố YB về việc giao nộp tài sản nhặt được để trả lại cho chủ sở hữu; Giấy xác nhận ngày 20-4-2024 của Hội Liên hiệp phụ nữ phường YN là Hội viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; Biên lai nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và nộp tiền truy thu là 5.828.000đồng. Các bị cáo đề nghị xin được hưởng hình phạt nhẹ hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HSST ngày 25-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái

theo hướng xử phạt các bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, ấn định mức khấu trừ thu nhập của mỗi bị cáo từ 5%-20% để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án thì các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D đúng hình thức, làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó đã đủ căn cứ kết luận: Ngày 26-12-2023, Nguyễn Thị D và Lê Hữu Đ đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với tổng số tiền 6.280.000đồng. Ngày 27-12-2023, D và Đ tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với tổng số tiền 19.070.000đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong các ngày 26 và 27-12-2023 là 25.350.000đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm và vai trò phạm tội của mỗi bị cáo, đã áp dụng đối với các bị cáo tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, mức hình phạt như Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với mỗi bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Lê Hữu Đ có xuất trình Giấy xác nhận ngày 08-4-2024 của Công an phường HM, thành phố YB về việc cung cấp thông tin tố giác tội phạm, đây là tình tiết giảm nhẹ lập công chuộc tội quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đ còn có Giấy xác nhận ngày 29-3-2024 của Công an phường HM, thành phố YB về việc giao nộp tài sản nhặt được để trả lại cho chủ sở hữu; Giấy xác nhận ngày 25-3-2024 của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường NTH về việc tích cực tham gia các hoạt động Đoàn được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị D xuất trình Giấy xác nhận ngày 28-3-2024 của Công an xã GP, thành phố YB về việc giao nộp tài sản nhặt được để trả lại cho chủ sở hữu; Giấy xác nhận ngày 20-4-2024 của Hội Liên hiệp phụ nữ phường YN là Hội viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; Biên lai nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và nộp tiền truy thu là 5.828.000đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D đều là người có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, có những hành động, việc làm thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối cải, tích cực cải tạo, sửa chữa sai lầm. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có khả năng cải tạo mà không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội, đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự mà vẫn đảm bảo được yêu cầu giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Các bị cáo bị khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HSST ngày 25-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái theo hướng xử phạt các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D bằng hình phạt cải tạo không giam giữ. Việc sửa án sơ thẩm là do có thêm tình tiết mới trong giai đoạn phúc thẩm, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

[1] Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HSST ngày 25-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân phường NTH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 20.000.000đ

(Hai mươi triệu đồng); khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Lê Hữu Đ, Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT I);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THAHS- CA TP Yên Bái;
- Cơ quan CSĐT- CA TP Yên Bái;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- TAND TP Yên Bái (4);
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Các bị cáo (Tại ngoại-2);
- Lưu: HS, Tập án, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng